



**C.TY C.PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN
HAMICO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

=====

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Số : 152 /2012 /KSH
“V/v: Giải trình báo cáo tài chính
chưa kiểm toán với BCTC đã kiểm toán”

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản HAMICO xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Sở giao dịch trong thời gian qua và rất mong nhận được sự giúp đỡ của Sở giao dịch trong thời gian tới.

Qua báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2012 của chúng tôi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & dịch vụ tin học, chúng tôi thấy số liệu trên bảng cân đối kế toán chưa kiểm toán và số liệu trên bảng cân đối đã được kiểm toán có sự chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu	Trên bảng CĐKT đã được kiểm toán	Trên bảng CĐKT chưa kiểm toán	Chênh lệch (2) - (3)	%tăng (giảm)
1	2	3	4	5
Tiền	257.308.369	257.022.921	285.448	0,1%
DP các khoản pthu khó đòi	(2.406.445.167)	(2.636.788.320)	(230.343.153)	-8,8%
Chi phí trả trước ngắn hạn	97.441.600	0	97.441.600	100%
Thuế và các khoản phải thu	704.407.321	0	704.407.321	100%
Tài sản cố định hữu hình	137.842.985.583	137.702.489.310	140.496.273	0,1%
Hao mòn lũy kế	(29.144.981.062)	(29.127.813.128)	(17.167.934)	-0,05%
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	0	1.000.000.000	100%
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(710.000.000)	0	(710.000.000)	-100%
Chi phí trả trước dài hạn	1.474.551.183	1.664.477.022	(189.925.839)	-12,5%

Thuế và các khoản phải nộp	920.939.236	371.867.661	549.071.575	147%
Lợi nhuận chưa phân phối	7.639.449.698	7.726.223.298	(86.773.600)	-1,2%

- Điều chỉnh tăng tiền gửi ngân hàng 285.448 đồng do công ty hạch toán thiếu khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng.

- Điều chỉnh giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi 230.343.153 đồng do công ty trích lập thừa.
- Điều chỉnh tăng chi phí trả trước ngắn hạn 97.441.600 đồng do kiểm toán phân loại lại chi phí mua bảo hiểm từ 642 sang 142.
- Điều chỉnh tăng thuế và các khoản phải thu nhà nước 704.407.321 đồng do công ty bù trừ vào thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.
- Điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình 140.498.273 đồng do chuyển một số tài sản từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định.
- Điều chỉnh tăng Hao mòn lũy kế 17.167.934 đồng do một số tài sản công ty trích khấu hao bổ sung.
- Điều chỉnh tăng đầu tư dài hạn 1.000.000.000 đồng và tăng dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn 710.000.000 đồng do khoản đầu tư chứng khoán chưa bán hết, công ty đã hạch toán giảm hết khoản đầu tư và khoản dự phòng.
- Điều chỉnh giảm chi phí trả trước dài hạn 189.925.839 đồng do phân loại lại một số chi phí sang tài sản cố định và sang chi phí trả trước ngắn hạn.
- Tăng chi phí thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước 549.071.575 đồng do công ty bù trừ khoản thuế và các khoản phải thu ngân sách nhà nước.
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận chưa phân phối 86.773.600 đồng do công ty điều chỉnh tăng – giảm các khoản mục nêu trên.

Công ty chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

*** Nơi nhận :**

- Như trên
- Lưu VT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Minh Thành



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

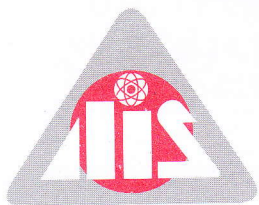
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

AISC



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 120743/BCSX- AISHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ lập tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico (sau đây được viết tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kế toán khác được Việt Nam chấp nhận) và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc



Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.881.987.880	48.212.486.249
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		257.308.369	211.113.526
1. Tiền	111	V.1	257.308.369	211.113.526
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		30.276.822.556	29.282.440.422
1. Phải thu khách hàng	131		32.025.876.723	20.725.663.454
2. Trả trước cho người bán	132		657.391.000	826.491.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	0	10.000.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.406.445.167)	(2.269.714.032)
IV. Hàng tồn kho	140		24.546.008.034	18.707.449.801
1. Hàng tồn kho	141	V.4	24.546.008.034	18.707.449.801
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		801.848.921	11.482.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		97.441.600	11.482.500
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	704.407.321	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.068.955.704	156.037.555.158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		108.724.404.521	132.334.982.624
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	108.698.004.521	132.306.182.624
<i>Nguyên giá</i>	222		137.842.985.583	163.774.766.880
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.144.981.062)	(31.468.584.256)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.400.000	28.800.000
<i>- Nguyên giá</i>	228		48.000.000	48.000.000
<i>- Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(21.600.000)	(19.200.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	39.870.000.000	21.534.974.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	21.014.974.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.580.000.000	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài	259		(710.000.000)	(1.480.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.474.551.183	2.167.598.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.474.551.183	2.167.598.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.950.943.584	204.250.041.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		81.411.493.886	80.861.751.701
I. Nợ ngắn hạn	310		81.411.493.886	80.861.751.701
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	72.378.964.987	67.114.489.000
2. Phải trả người bán	312		5.953.352.891	11.121.507.337
3. Người mua trả tiền trước	313		38.642.460	109.710.020
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	920.939.236	866.476.701
5. Phải trả người lao động	315		649.649.200	902.084.800
6. Chi phí phải trả	316	V17	793.582.047	59.027.778
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		676.363.065	688.456.065
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.539.449.698	123.388.289.706
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	124.539.449.698	123.388.289.706
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.900.000.000	116.900.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.639.449.698	6.488.289.706
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.950.943.584	204.250.041.407

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc




Lâm Thị Thu Trang

Vũ Minh Thành



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2012

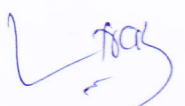
Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	19.646.407.058	5.289.969.683	28.041.782.059	22.037.658.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.946.295.802	3.455.514.207	10.620.787.234	10.927.792.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.917.802	1.857.282.321	4.536.096	4.859.583.787
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	2.673.637.036	1.260.378.194	4.603.652.099	2.216.319.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.703.637.036	1.260.378.194	4.789.550.599	2.216.319.699
8. Chi phí bán hàng	24		1.951.620.211	457.167.456	3.304.358.221	1.755.125.639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.515.957.871	1.103.935.787	3.061.237.411	2.053.798.323
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(192.001.514)	2.491.315.091	(343.924.401)	9.762.132.909
11. Thu nhập khác	31		6.000.000	113.636.365	474.255.934	140.913.579
12. Chi phí khác	32		7.791.119	18.151.238	7.791.119	36.302.476
13. Lợi nhuận khác	40		(1.791.119)	95.485.127	466.464.815	104.611.103
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(193.792.633)	2.586.800.218	122.540.414	9.866.744.012
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	651.237.864	32.582.883	2.475.761.622
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(193.792.633)	1.935.562.354	89.957.531	7.390.982.390
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	(16,58)	165,57	7,70	632,25

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc
Vũ Minh Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: đ

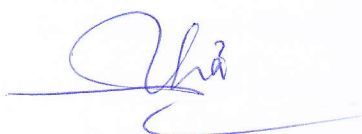
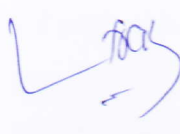
Chỉ tiêu	Mã số	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	31.146.928.865	33.000.501.809
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.591.841.371)	(35.421.145.712)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.670.035.725)	(3.574.300.664)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.054.996.330)	(1.920.376.530)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	(3.500.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.130.537.000	16.956.444
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.240.210.062)	(1.324.942.986)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.279.617.623)	(12.723.307.639)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	0	(40.304.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.626.965.169)	(21.643.951.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.683.765.552	3.685.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.536.096	4.851.273.759
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.061.336.479	(13.147.981.741)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50.864.565.987	72.550.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45.600.090.000)	(46.429.399.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	5.264.475.987	26.120.601.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	46.194.843	249.311.620
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	211.113.526	83.563.947
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	257.308.369	332.875.567

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tổng Giám đốc

Lâm Thị Thu Trang

Vũ Minh Thành



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 30/6/2012 là: **116.900.000.000** đồng *(Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng)*.

Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	11.690.000	116.900.000.000	100,00%
Cộng tổng		11.690.000	116.900.000.000	100,00%

Tại ngày 01/01/2012, Công ty có một (01) công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II. Tháng 6 năm 2012, Công ty đã thoái vốn đầu tư; Tại ngày 30/6/2012, Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II không còn là công ty con của Công ty.

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (đ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

TH
NH
VA
HO
MINH
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo nguyên tắc giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư 34/2011/TT - BTC ngày 14/03/2011 về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phù Lý được phân bổ theo thời gian thuê đất (50 năm); công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng.

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mức thuế suất áp dụng là 25%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất công nghiệp của Công ty là 10%;

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

17- Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17- Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các Báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	155.233.733	166.659.404
Tiền gửi ngân hàng	102.074.636	44.454.122
Ngân hàng Xăng dầu PETROLIMEX	5.121.300	5.056.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	95.712.145	38.490.379
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hà Nam	906.843	906.843
Tiền tại Công ty Chứng khoán Thủ Đô	334.348	0
Cộng	257.308.369	211.113.526

3- Các khoản phải thu khác

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Phải thu Công ty Cổ phần Sơn Hải	0	10.000.000.000
Cộng	0	10.000.000.000

4 - Hàng tồn kho

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	13.011.793.532	9.210.566.615
Công cụ, dụng cụ	0	37.598
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	990.796.352	403.713.335
Thành phẩm	10.494.648.776	8.944.251.709
Hàng hóa	48.769.374	148.880.544
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.546.008.034	18.707.449.801

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	704.407.321	0
Cộng	704.407.321	0

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	100.441.495.665	39.333.296.991	22.441.024.524	1.558.949.700	163.774.766.880
Tăng do mua sắm	0	256.769.019	0	53.727.273	310.496.292
Giảm khác (*)	(4.698.800.262)	(18.929.022.781)	(2.614.454.546)	0	(26.242.277.589)
Tại ngày 30/6/2012	95.742.695.403	20.661.043.229	19.826.569.978	1.612.676.973	137.842.985.583
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	12.775.102.357	12.111.579.004	6.069.006.121	512.896.774	31.468.584.256
Khấu hao trong kỳ	1.834.839.809	1.269.405.131	989.486.040	86.937.518	4.180.668.498
Giảm khác (*)	(901.052.877)	(4.665.735.716)	(937.483.099)	0	(6.504.271.692)
Tại ngày 30/6/2012	13.708.889.289	8.715.248.419	6.121.009.062	599.834.292	29.144.981.062
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	87.666.393.308	27.221.717.987	16.372.018.403	1.046.052.926	132.306.182.624
Tại ngày 30/6/2012	82.033.806.114	11.945.794.810	13.705.560.916	1.012.842.681	108.698.004.521

○ Giá trị còn lại tại 30/6/2012 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 76.439.038.557 đ.

○ Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 30/6/2012 nhưng vẫn còn sử dụng: 373.762.618 đ.

○ Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/6/2012 chờ thanh lý: 0 đ.

(*) Giảm khác do góp vốn đầu tư bằng tài sản cố định.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	48.000.000	48.000.000
Tại ngày 30/6/2012	48.000.000	48.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	19.200.000	19.200.000
Khấu hao trong kỳ	2.400.000	2.400.000
Tại ngày 30/6/2012	21.600.000	21.600.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2012	28.800.000	28.800.000
Tại ngày 30/6/2012	26.400.000	26.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phù Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư vào Công ty con**

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II	0	21.014.974.400
Cộng	0	21.014.974.400

Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	39.580.000.000	0
Cộng	39.580.000.000	0

Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)
Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (Mã chứng khoán KSD)	100.000	1.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng	100.000	1.000.000.000	200.000	2.000.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico	(710.000.000)	(1.480.000.000)
Cộng	(710.000.000)	(1.480.000.000)

14- Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	119.133.000	417.179.951
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam.	468.751.516	483.751.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	886.666.667	1.266.666.668
Cộng	1.474.551.183	2.167.598.134

15- Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vay ngắn hạn ngân hàng:	34.664.565.987	25.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	34.664.565.987	25.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân (*):	37.714.399.000	34.564.489.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
+ Nguyễn Thị Kim Thoa	10.060.000.000	8.910.090.000
+ Nguyễn Ngọc Hương	8.800.000.000	8.800.000.000
+ Nguyễn Anh Đức	9.000.000.000	7.000.000.000
+ Nguyễn Tiến Dũng	5.854.399.000	5.854.399.000
+ Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác:	0	7.550.000.000
+ Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico	0	7.550.000.000
Cộng	72.378.964.987	67.114.489.000

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	905.211.236	494.363.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	356.385.683
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.728.000	15.728.000
Cộng	920.939.236	866.476.701

17- Chi phí phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả:	793.582.047	59.027.778
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	0	59.027.778
Lãi vay cá nhân	793.582.047	0
Cộng	793.582.047	59.027.778

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu Quý I	116.900.000.000	6.488.289.706	123.388.289.706
Lãi/ lỗ trong Quý	0	283.750.164	283.750.164
Số dư cuối Quý I	116.900.000.000	6.772.039.870	123.672.039.870
Số dư đầu Quý II	116.900.000.000	6.772.039.870	123.672.039.870
Lãi/ lỗ trong Quý	0	(193.792.633)	(193.792.633)
Tăng khác (*)	0	1.061.202.461	1.061.202.461
Số dư cuối Quý II	116.900.000.000	7.639.449.698	124.539.449.698

(*) Tăng khác do giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 27/4/2012 của Cục thuế tỉnh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
Vốn góp của các đối tượng khác	116.900.000.000	116.900.000.000
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	đ	đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	30/6/2012	01/01/2012
	đ	đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
	đ	đ	đ	đ
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095
Trong đó:				
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	25.592.702.860	8.745.483.890	38.662.569.293	32.965.451.095

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**MẪU SỐ B09A - DN**

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

28- Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2012 đ	Quý II năm 2011 đ	6 tháng đầu năm 2012 đ	6 tháng đầu năm 2011 đ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	19.646.407.058	5.289.969.683	28.041.782.059	22.037.658.312
Cộng	19.646.407.058	5.289.969.683	28.041.782.059	22.037.658.312

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012 đ	Quý II năm 2011 đ	6 tháng đầu năm 2012 đ	6 tháng đầu năm 2011 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.917.802	2.264.321	4.536.096	4.565.787
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	1.855.018.000	0	4.855.018.000
Cộng	2.917.802	1.857.282.321	4.536.096	4.859.583.787

30- Chi phí hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012 đ	Quý II năm 2011 đ	6 tháng đầu năm 2012 đ	6 tháng đầu năm 2011 đ
Chi phí lãi tiền vay	2.703.637.036	1.260.378.194	4.789.550.599	2.216.319.699
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(30.000.000)	0	(185.898.500)	0
Cộng	2.673.637.036	1.260.378.194	4.603.652.099	2.216.319.699

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý II năm 2012 đ	Quý II năm 2011 đ	6 tháng đầu năm 2012 đ	6 tháng đầu năm 2011 đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(193.792.633)	2.586.800.218	122.540.414	9.866.744.012
Các khoản điều chỉnh khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp				
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	7.791.119	18.151.238	7.791.119	36.302.476
Tổng lợi nhuận tính thuế	(186.001.514)	2.604.951.456	130.331.533	9.903.046.488
Chi phí thuế thu nhập chịu thuế hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (25%)	0	651.237.864	32.582.883	2.475.761.622
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	651.237.864	32.582.883	2.475.761.622

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**MẪU SỐ B09A - DN**

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

32- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
	đ	đ	đ	đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(193.792.633)	1.935.562.354	89.957.531	7.390.982.390
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(193.792.633)	1.935.562.354	89.957.531	7.390.982.390
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.690.000	11.690.000	11.690.000	11.690.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(16,58)	165,57	7,70	632,25

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
	đ	đ	đ	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.744.938.582	7.665.902.153	24.592.098.983	22.904.588.970
Chi phí nhân công	2.034.042.200	1.496.535.200	4.251.334.125	3.402.383.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.859.737.939	2.288.372.118	4.183.068.498	4.421.939.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.688.543.468	2.351.861.425	6.974.623.665	5.058.568.944
Chi phí khác bằng tiền	293.900.631	155.917.500	470.764.011	494.974.646
Cộng	25.621.162.820	13.958.588.396	40.471.889.282	36.282.455.860

37- Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

37.2- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

37.3- Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Số cuối quý II năm 2012

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	72.378.964.987	0	0	72.378.964.987
Phải trả người bán	5.953.352.891	0	0	5.953.352.891
	78.332.317.878	0	0	78.332.317.878

Số đầu năm

Các khoản vay và nợ	67.114.489.000	0	0	67.114.489.000
Phải trả người bán	11.121.507.337	0	0	11.121.507.337
	78.235.996.337	0	0	78.235.996.337

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012.

38 - Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty :

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2012		01/01/2012		30/6/2012	01/01/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.308.369	0	211.113.526	0	257.308.369	211.113.526
Phải thu khách hàng	32.025.876.723	(2.009.991.167)	20.725.663.454	(1.873.260.032)	30.015.885.556	18.852.403.422
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	(710.000.000)	2.000.000.000	(1.480.000.000)	290.000.000	520.000.000
TỔNG CỘNG	33.283.185.092	(2.719.991.167)	22.936.776.980	(3.353.260.032)	30.563.193.925	19.583.516.948
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	72.378.964.987	0	67.114.489.000	0	72.378.964.987	67.114.489.000
Phải trả người bán	5.953.352.891	0	11.121.507.337	0	5.953.352.891	11.121.507.337
Chi phí phải trả	793.582.047		59.027.778		793.582.047	59.027.778
TỔNG CỘNG	79.125.899.925	0	78.295.024.115	0	79.125.899.925	78.295.024.115

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba Công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**MẪU SỐ B09A - DN**

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

38 - Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo):

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 mà chưa được thuyết minh trong báo cáo này.

3- Thông tin về các bên liên quan

- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu
- Địa chỉ: Tổ 4, phường Quang Trung, tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0700382548 ngày 03/8/2009
- Vốn điều lệ: 156.880.000.000 (Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn)
- Vốn góp của Công ty: 25,23%.
- Giá trị vốn góp của Công ty lũy kế đến thời điểm 30/6/2012 là: 39.580.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 giao dịch phát sinh với Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu là đầu tư góp vốn và mua bán sắt, thép.

Quan hệ thanh toán với Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu

Nội dung	Số dư tại 01/01/2012	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Đơn vị tính: đ	
				Số dư tại 30/6/2012	
Phải thu khách hàng (bán sắt, thép)	0	10.310.668.500	4.395.000.000	5.915.668.500	
Đầu tư góp vốn	0	39.580.000.000	0	39.580.000.000	

4- Báo cáo bộ phận**4.1 – Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2012				
	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Sản xuất và bán gạch	Gia công và bán sắt	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	9.885.593.693	12.015.428.000	15.518.013.100	1.243.534.500	38.662.569.293
Giá vốn	4.905.417.091	7.600.694.218	14.302.437.498	1.233.233.252	28.041.782.059
Lợi nhuận gộp	4.980.176.602	4.414.733.782	1.215.575.602	10.301.248	10.620.787.234

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B09A - DN

Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4.2 – Báo cáo bộ phận theo địa lý

Đơn vị tính: đ			
Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền trung	Cộng
Doanh thu thuần	32.694.982.201	5.967.587.092	38.662.569.293
Giá vốn	25.110.220.709	2.931.561.350	28.041.782.059
Lợi nhuận gộp	7.584.761.492	3.036.025.742	10.620.787.234

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2012 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2012 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

6- Tính hoạt động liên tục

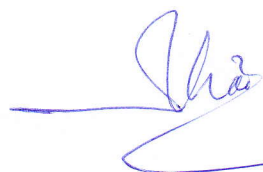
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lâm Thị Thu Trang



Vũ Minh Thành